

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 15**

(Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 07/7/2020)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ: Tài chính - Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 128/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

(1) Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ nghiệp vụ cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*).

(2) Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*).

(3) Quy định chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo*).

(4) Quy định về mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố và nội dung, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp (*Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo*).

(5) Quy định nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao UBND các cấp tăng cường công tác tuyên truyền; thông báo công khai, rộng rãi các nội dung chính sách, hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện; phương thức thực hiện gắn với cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2013 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định một số nội dung chi và mức hỗ trợ đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020. Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 của UBND Thành phố quy định về chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

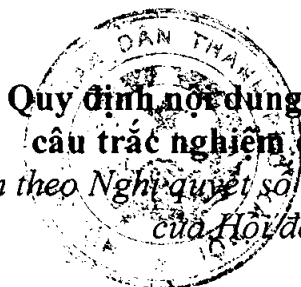
Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2020./

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT



Nguyễn Thị Bích Ngọc



PHỤ LỤC 01

Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số 03 /2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, giáo viên và các cá nhân có liên quan tham gia xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm.

3. Quy định cụ thể

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ soạn thảo câu trắc nghiệm	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố.		
2	Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	Câu	92.000	
3	Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm	Câu	80.000	
4	Tổ chức thi thử			
	- Chi xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm	Người/ngày	230.000	
	- Chi xây dựng đề thi gốc	Đề	920.000	Bao gồm phản biện và đáp án
	- Chi xây dựng các mã đề thi	Đề	230.000	
	- Chi phụ cấp cho Ban tổ chức cuộc thi:			
	+ Trưởng ban	Người/ngày	280.000	
	+ Phó trưởng ban	Người/ngày	230.000	
	+ Thư ký, giám thị	Người/ngày	160.000	
	- Chi phí đi lại, ở của Ban tổ chức	Thực hiện theo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.		
	- Chi phụ cấp cho Hội đồng coi thi:			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	200.000	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	150.000	
	+ Thư ký, giám thị	Người/ngày	100.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
	+ Nhân viên bảo vệ, y tế và phục vụ	Người/ngày	50.000	
5	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm	Người/ngày	350.000	Theo phương thức hợp đồng
6	Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	Người/ngày	230.000	

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Nhiệm vụ xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

PHỤ LỤC 02

**Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân
và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân
của hoạt động mua bán người trên địa bàn thành phố Hà Nội**
(Kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trên địa bàn thành phố Hà Nội quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách địa phương của Hà Nội để hỗ trợ nạn nhân và nạn nhân của hoạt động mua bán người được các tổ chức, cá nhân này hỗ trợ trên địa bàn Thành phố.

3. Quy định cụ thể

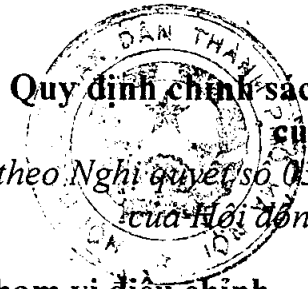
STT	Nội dung	Mức chi
1	Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân	
1.1	Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân.	200.000 đồng/người/ngày
1.2	Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân	10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.
2	Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân	
2.1	<i>Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại</i>	
a	Tiền ăn	Trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được hỗ trợ tiền ăn, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng (ba tháng): mức hỗ trợ bằng mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng (hệ số 1): 350.000 đồng/người/tháng nhân với hệ số tương ứng: Trẻ em dưới 04 tuổi hệ số 5,0; Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc từ đủ 60 tuổi trở lên hệ số 4,0; Người từ 16 tuổi đến 60 tuổi hệ số 3,0; Người khuyết tật đặc biệt nặng, hệ số 3,0; Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em, hệ số 4,0; Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, hệ số 4,0.

STT	Nội dung	Mức chi
b	Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết	Nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở được cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt thường ngày và các chi phí khác theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP: mức 350.000 đồng/người/tháng.
2.2	<i>Chi tiền ăn cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả</i>	
-	Tiền ăn trong những ngày đi đường	70.000 đồng/người/ngày.
2.3	<i>Chi hỗ trợ y tế</i>	
	Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở có trách nhiệm tổ chức mai táng:	
-	Chi phí giám định pháp y	Thực hiện theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y đối với từng trường hợp cụ thể.
-	Chi phí mai táng	5.400.000 đồng/người.
2.4	<i>Chi trợ cấp khó khăn ban đầu</i>	
	Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội khi trở về nơi cư trú	1.000.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập theo chuẩn nghèo thành phố Hà Nội).

Đối với các nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các văn bản dẫn chiếu của Trung ương quy định tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 và các văn bản của Thành phố.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước theo phân cấp.

5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.



PHỤ LỤC 03

Quy định chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Người có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hà Nội; đối tượng được nuôi dưỡng tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và cơ sở trợ giúp xã hội công lập của thành phố Hà Nội; đối tượng điều trị tại Bệnh viện 09 - Sở Y tế Hà Nội; người lang thang vô gia cư chết trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Quy định cụ thể

a. Hỗ trợ chi phí hỏa táng như sau:

- Thi hài người lớn: 3.000.000 đồng/ca.
- Thi hài trẻ em dưới 06 tuổi: 1.500.000 đồng/ca.

b. Hỗ trợ chi phí vận chuyển: 1.000.000 đồng/ca.

c. Hỗ trợ chi phí khác:

Đối với người dân thuộc hộ nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi; các đối tượng người có công đang được nuôi dưỡng thường xuyên tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; các đối tượng xã hội đang được nuôi dưỡng thường xuyên tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập của thành phố Hà Nội, đối tượng điều trị tại Bệnh viện 09 - Sở Y tế Hà Nội; người lang thang vô gia cư chết trên địa bàn thành phố Hà Nội:

- Áo quan hỏa táng: 1.250.000 đồng/ca.
- Túi đồ khâm liệm: 500.000 đồng/ca.
- Bình đựng tro cốt: 250.000 đồng/ca.
- Chi phí quản lý lưu giữ bình tro: 5.270.000 đồng/ô.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách cấp Thành phố.

5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

PHỤ LỤC 04

Quy định về mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố và nội dung, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp

(Kèm theo Nghị quyết số 03 /2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố và nội dung chi, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Quy định cụ thể

a. Quy định mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng trên địa bàn Thành phố *(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)*.

b. Quy định về mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố *(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo)*.

c. Quy định nội dung, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng xét tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp *(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)*.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

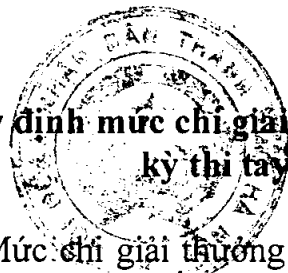
Biểu 01 - Phụ lục 04
Quy định mức chi tiền thưởng đối với
các danh hiệu, hình thức khen thưởng trên địa bàn Thành phố

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Khen thưởng danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú"	Cá nhân	12,5 lần mức lương cơ sở.
2	Khen thưởng danh hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô"	Cá nhân	01 lần mức lương cơ sở.
3	Khen thưởng Bằng "Sáng kiến Thủ đô"	Cá nhân	03 lần mức lương cơ sở.
4	Khen thưởng danh hiệu "Người tốt, việc tốt"	Cá nhân	- Cấp Thành phố: 01 lần mức lương cơ sở. - Cấp sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố: 0,3 lần mức lương cơ sở. - Cấp phường, xã, thị trấn: 0,15 lần mức lương cơ sở.
5	Khen thưởng "Cúp Thăng Long"	Tập thể	02 lần mức lương cơ sở.
6	Khen thưởng "Nghệ nhân Hà Nội"	Cá nhân	4,5 lần mức lương cơ sở.
7	Khen thưởng Thủ khoa xuất sắc	Cá nhân	4,5 lần mức lương cơ sở.
8	Khen thưởng thành tích đột xuất:		
-	Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố về thành tích đột xuất	Tập thể	- 02 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực được Thành phố ghi nhận): Thưởng tiền cho tập thể bằng 06 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
		Cá nhân	<p><i>tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực có tác động tích cực đối với Thành phố, khu vực hoặc thế giới):</i> Thường tiền cho tập thể là 50.000.000 đồng.</p> <p>- 01 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực được Thành phố ghi nhận</i>): Thường tiền cho cá nhân bằng 03 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực có tác động tích cực đối với Thành phố, khu vực hoặc thế giới</i>): Thường tiền cho cá nhân là 20.000.000 đồng.</p>
-	<p>Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Giấy khen của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và các đơn vị thuộc Thành phố về thành tích đột xuất</p>	Tập thể	<p>- 0,6 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận</i>): Thường tiền cho tập thể bằng 02 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận</i>): Thường tiền cho tập thể bằng 50% mức tiền thưởng tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Thành phố.</p>

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
		Cá nhân	<p>- 0,3 lần mức lương cơ sở;</p> <p>- Trường hợp cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận): Thương tiên cho cá nhân bằng 01 lần mức lương cơ sở;</p> <p>- Trường hợp cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, UBND quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận): Thương tiên cho cá nhân bằng 50% mức tiền thưởng cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Thành phố.</p>
-	Giấy khen của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn về thành tích đột xuất	Tập thể	<p>- 0,3 lần mức lương cơ sở;</p> <p>- Trường hợp tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận): Thương tiên cho tập thể bằng 50% mức tiền thưởng tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố.</p> <p>- Trường hợp tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận): Thương tiên cho tập thể bằng 50% mức tiền thưởng tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố.</p>

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
		Cá nhân	<p>- 0,15 lần mức lương cơ sở;</p> <p>- Trường hợp cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận): Thường tiền cho cá nhân bằng 50% mức tiền thưởng cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố.</p> <p>Trường hợp cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận): Thường tiền cho cá nhân bằng 50% mức tiền thưởng cá nhân lập thành đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các đoàn thể Thành p các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố.</p>

**Biểu 02 - Phụ lục 04****Quy định mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố**

1. Mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố; giải thưởng cho các cuộc thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi, báo cáo viên giỏi và các cuộc thi tìm hiểu, tuyên truyền do Trung ương và Thành phố phát động; Giải thưởng trong "Tổng kết và phát động phong trào sáng tác mang tính giai đoạn của Thủ đô" sử dụng ngân sách Nhà nước:

TT	Cấp tổ chức	Mức giải	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
1	Cấp Thành phố tổ chức	Giải đặc biệt	Tập thể	20.000.000	Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi, UBND Thành phố hoặc các đơn vị được UBND Thành phố giao tổ chức thực hiện quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Mục này; đối với các cuộc thi không có giải tập thể, quyết định mức giải thưởng cho cá nhân bằng với giải của tập thể.
			Cá nhân	12.000.000	
		Giải nhất	Tập thể	10.000.000	
			Cá nhân	6.000.000	
		Giải nhì	Tập thể	7.000.000	
			Cá nhân	3.000.000	
		Giải ba	Tập thể	5.000.000	
			Cá nhân	2.000.000	
		Giải khuyến khích	Tập thể	3.000.000	
			Cá nhân	1.000.000	
Giải phụ khác		500.000			
2	Cấp sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố tổ chức	Giải đặc biệt	Tập thể	10.000.000	Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi, sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Mục này; đối với các cuộc thi không có giải tập thể, quyết định mức giải thưởng cho cá nhân bằng với giải của tập thể.
			Cá nhân	6.000.000	
		Giải nhất	Tập thể	5.000.000	
			Cá nhân	3.000.000	
		Giải nhì	Tập thể	3.500.000	
			Cá nhân	1.500.000	
		Giải ba	Tập thể	2.500.000	
			Cá nhân	1.000.000	
		Giải khuyến khích	Tập thể	1.500.000	
			Cá nhân	500.000	
Giải phụ khác		250.000			

TT	Cấp tổ chức	Mức giải	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
3	Cấp xã, phường, thị trấn tổ chức	Giải đặc biệt	Tập thể	5.000.000	Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi, các xã, phường, thị trấn quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Mục này; đối với các cuộc thi không có giải tập thể, quyết định mức giải thưởng cho cá nhân bằng với giải của tập thể.
			Cá nhân	3.000.000	
		Giải nhất	Tập thể	2.500.000	
			Cá nhân	1.500.000	
		Giải nhì	Tập thể	1.800.000	
			Cá nhân	800.000	
		Giải ba	Tập thể	1.300.000	
			Cá nhân	500.000	
		Giải khuyến khích	Tập thể	800.000	
			Cá nhân	250.000	
Giải phụ khác		150.000			

2. Một số nội dung chi và mức chi đối với: “Giải báo chí về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội”, “Giải báo chí về phát triển văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh”:

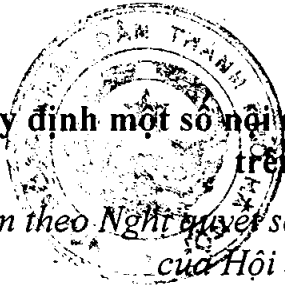
STT	Nội dung chi	Hình thức giải thưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi giải thưởng Giải báo chí về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội và Giải báo chí về phát triển văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh hằng năm	- Giải đặc biệt	Cá nhân	100.000.000 đồng/giải
		- Giải A	Cá nhân	50.000.000 đồng/giải
		- Giải B	Cá nhân	30.000.000 đồng/giải
		- Giải C	Cá nhân	20.000.000 đồng/giải
		- Giải cho tác phẩm xuất sắc của tác giả cao tuổi, giải cho tác phẩm xuất sắc của tác giả trẻ tuổi	Cá nhân	20.000.000 đồng/giải
		- Giải khuyến khích	Cá nhân	10.000.000 đồng/giải
		- Giải đồng hạng xuất sắc cho cơ quan báo chí tiêu biểu	Tập thể	15.000.000 đồng/giải
		- Tiền thưởng các tác phẩm vào chung khảo	Cá nhân	2.000.000 đồng/giải

Biểu số 03 - Phụ lục 04
Quy định nội dung, mức chi đối với hoạt động
của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng
các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng xét tặng cấp Thành phố đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, các giải thưởng		
1	Chi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp Thành phố họp xét khen thưởng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng đối với các tập thể, cá nhân		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ buổi	1.500.000
	- Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng	đồng/người/ buổi	1.000.000
	- Đại biểu mời tham dự	đồng/người/ buổi	200.000
	- Bộ phận giúp việc Hội đồng	đồng/người/ buổi	100.000
	- Bộ phận phục vụ	đồng/người/ buổi	50.000
2	Chi thù lao xin ý kiến bằng phiếu đối với Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp Thành phố	đồng/người/ phiếu	500.000
II	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, các giải thưởng:		
1	Chi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố họp xét khen thưởng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng đối với các tập thể, cá nhân:		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ buổi	500.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng	đồng/người/ buổi	300.000
	- Đại biểu mời tham dự	đồng/người/ buổi	100.000
	- Bộ phận giúp việc Hội đồng	đồng/người/ buổi	100.000
	- Bộ phận phục vụ	đồng/người/ buổi	50.000
2	Chi thù lao xin ý kiến bằng phiếu đối với Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố.	đồng/người/ phiếu	200.000
III	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp xã, phường, thị trấn đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, các giải thưởng		
	Chi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp xã, phường, thị trấn họp xét khen thưởng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng đối với các tập thể, cá nhân:		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ buổi	250.000
1	- Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng	đồng/người/ buổi	150.000
	- Đại biểu mời tham dự	đồng/người/ buổi	50.000
	- Bộ phận giúp việc Hội đồng	đồng/người/ buổi	50.000
	- Bộ phận phục vụ	đồng/người/ buổi	50.000
2	Chi thù lao xin ý kiến bằng phiếu đối với Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp xã, phường, thị trấn	đồng/người/ phiếu	100.000

Ghi chú: Mức chi đối với Hội đồng xét tặng giải thưởng các cấp nêu trên được áp dụng đối với Hội đồng sơ khảo và chung khảo./.



PHỤ LỤC 05

Quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định một số nội dung, mức chi từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Nhà nước cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông.

- Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

3. Quy định cụ thể

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo	
1.1	Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.	
1.2	Các tổ chức, cá nhân tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Một số nội dung chi, mức chi sau:	
a	Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn	Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
b	Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật	Thực hiện theo mức chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng các bộ công chức, viên chức và các đối tượng khác quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố
c	Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch;	Thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

TT	Nội dung chi	Mức chi
	chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác)	
d	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông:	
-	Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước	<p>+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).</p> <p>+ Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên được thanh toán theo chế độ công tác phí quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.</p>
-	Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà	<p>+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).</p> <p>+ Hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn, chỗ ở (nếu phải thuê chỗ ở) theo mức chi về chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND 05/12/2017 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố. Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có).</p> <p>+ Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.</p>
-	Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo	<p>+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).</p> <p>+ Hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn; chỗ ở (nếu phải thuê chỗ ở) theo mức chi về chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND 05/12/2017 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố. Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có).</p>

TT	Nội dung chi	Mức chi
		+ Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.
-	Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). + Hỗ trợ 50% chi phí tiền ăn, chỗ ở (nếu phải thuê chỗ ở) theo mức chi về chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố. Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). + Hỗ trợ tiền đi lại là 100.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên.
-	Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông	Thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
đ	Chi khảo sát học tập trong và ngoài nước	
-	Đối với khảo sát học tập trong nước	Mức chi theo thực tế và chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.
-	Đối với khảo sát học tập ngoài nước	Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí
2	Thông tin tuyên truyền	
2.1	Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông	
2.2	Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông, bản tin trang thông tin điện tử Khuyến nông:	
a	Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành	

TT	Nội dung chi	Mức chi
	cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.	
b	Đối với nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.
2.3	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập	+ Thực hiện theo chế độ chi công tác phí, chi hội nghị quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố. + Mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo theo nội dung, mức chi tại Phụ lục 01 Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.
2.4	Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng	Mức chi thực hiện theo chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.
2.5	Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam tại Hà Nội và các địa bàn ngoài Hà Nội	Thực hiện theo nội dung chi và mức chi hỗ trợ tại điểm b khoản 3.2 Phụ lục 06 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.
2.6	Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06/5/2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3

TT	Nội dung chi	Mức chi
		năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp
2.7	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ: Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
3	Xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn	
3.1	Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
3.2	Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan có thẩm quyền.	
3.3	Một số nội dung chi, mức chi.	
a	Hỗ trợ chi phí xây dựng mô hình:	
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền	Hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn trung du, miền núi	Hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được	Hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình
-	Mô hình ứng dụng công nghệ cao	Hỗ trợ 40% tổng kinh phí mô hình tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn)
-	Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp	Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/một điểm mô hình (đối với tất cả các địa bàn)
-	Chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành	Hỗ trợ 100% chi phí (đối với tất cả các loại mô hình)
b	Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:	
-	Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe,	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

TT	Nội dung chi	Mức chi
	thuê xe.	
-	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền nước uống.	Thực hiện theo mức chi tại mục 1 của Quy định này.
-	Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu).	Mức chi thực hiện theo mức chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng các bộ công chức, viên chức và các đối tượng khác quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố
c	Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình	Mức chi áp dụng theo quy định tại mục 2 của quy định này
d	Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn	Tính bằng mức lương cơ sở/22 công (x) số ngày thực tế tham gia chỉ đạo
4	Tư vấn và dịch vụ khuyến nông	
4.1	Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
4.2	Mức chi	
a	Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm	Mức chi thực hiện theo quy định tại mục 1 của quy định này.
b	Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm	Mức chi thực hiện theo quy định tại mục 2 của quy định này.
c	Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng	Mức chi thỏa thuận, hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.
5	Hợp tác quốc tế về khuyến nông	
5.1	Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyên giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nếu có).	
5.2	Mức chi	
a	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.	
b	Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc	Thực hiện theo chế độ tiếp khách nước ngoài vào Việt Nam quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

TT	Nội dung chi	Mức chi
6	Nội dung chi khác	
6.1	Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.
6.2	Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới	Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
6.3	Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
6.4	Quản lý nhiệm vụ khuyến nông	
a	Cơ quan quản lý khuyến nông (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
b	Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông	Được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác (nếu có). Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.
6.5	Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông.	Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

Ngoài các nội dung chính sách nêu trên, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước theo phân cấp.

5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.